TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-PT
Ngày: 30/01/2024
"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phúc Lâm.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Nhật Duật;
Ông Bùi Đức Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLPT-DS ngày 06/12/2023 về việc*: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".*

Do Bản án sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo theo Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn TH và bị đơn là ông Nguyễn Văn M; bị kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐ-VKS-DS ngày 06/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2024/QĐ-PT ngày 09/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:15/2024/QĐ-PT ngày 23/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn TH; sinh ngày 08/7/1964; nơi cư trú: thôn ĐB, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thanh H; nơi cư trú: khu TH, phường YT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và bà Dương Thị HY; nơi cư trú: khu 9, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/ 2022). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Hứa Hải Y; nơi cư trú: số 23/425 đường NGT, khu LH, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1945; nơi cư trú: tổ 9A, khu 3, phường QT, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Lợi; nơi thường trú: tổ 8, khu 2, phường QT, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (theo hợp đồng ủy quyền số 1275 ngày 23/3/2023). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1954; nơi cư trú: thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh H; nơi thường trú: khu TH, phường YT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và bà Dương Thị HY; nơi thường trú: khu 9, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/ 2022). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1960; nơi cư trú: khu TB, phường HQ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

3. Chị Lê Thị NH; sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ 2, khu 4, phường VD, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

4. Chị Lê Thị N; sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn Lâm Xá 1, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

5. Anh Lê Công Đ; sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Hoành Mô, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

6. Chị Lê Thị L; sinh năm 1989; nơi cư trú: khu Mỹ Cụ 2, phường HĐ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: cho ông Nguyễn Hải L, chị Lê Thị NH, chị Lê Thị L, chị Lê Thị N, anh Lê Văn Đạo là: Ông Trần Văn Lợi; nơi cư trú: tổ 8, khu 2, phường QT, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn X; sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

8. Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn Tân Lập, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

9. Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: phường Đông Triều, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T; chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Đông Triều (theo Quyết định ủy quyền số 1390 ngày 01/6/2023). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: thôn Hoàng Mô, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Viên; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

11. Văn phòng Công chứng tỉnh QN; Địa chỉ: số 36 phố Thanh Sơn, Phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Quốc Tuấn; chức vụ: Trưởng phòng Phòng công chứng số 3, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH trình bày:

Bố mẹ tôi là Nguyễn Văn M và Bùi Thị Ch sinh được 06 người con là Nguyễn Văn M, Nguyễn Công Thảnh (Liệt sỹ hy sinh năm 1972), Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Hoa (đã chết năm 2012), Nguyễn Hải L, Nguyễn Văn TH. Khoảng năm 1968 bố, mẹ tôi được HTX Nông nghiệp cấp cho thửa đất có diện tích khoảng 900m^2 tại thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Năm 1969 bố, mẹ tôi xây dựng 01 căn nhà cấp 4 ba gian, năm 1985 bố, mẹ tôi đã cho ông Nguyễn Hải L một phần đất diện tích khoảng 300m^2. Năm 1995 bố tôi chết không có di chúc, mẹ tôi vẫn tiếp tục sử dụng nhà, đất đến ngày 07/12/2003, UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 573m^2 cho hộ bà Bùi Thị Chủng, năm 2010 anh Nguyễn Văn X (là con trai tôi) xây dựng thêm công trình phụ diện tích 36m^2 (gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh) và công trình kiến trúc khác là sân bê tông, sân gạch, mái tôn, cổng trên thửa đất này.

Ngày 26/02/2013 tại phòng Công chứng tỉnh Quảng Ninh mẹ tôi lập di chúc với nội dung: *"... Tôi có tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn 2, xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 017237 do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 07/12/2003 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4. Nay tôi lập di chúc này để lại toàn bộ phần tài sản của tôi cho con trai tôi là Nguyễn Văn TH".* Năm 2015 mẹ tôi chết, nên tôi được hưởng di sản thừa kế theo di chúc của mẹ tôi.

Nay do những người liên quan đến việc chia di sản thừa kế theo di chúc của mẹ tôi không đồng ý nên tôi khởi kiện chia di sản thừa kế, tôi yêu cầu được hưởng toàn bộ tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất theo di chúc lập ngày 26/02/2013 của cụ Bùi Thị Chủng, khi lập di chúc cụ Chủng hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và di chúc đã được công chứng tại cơ quan có thẩm quyền.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn M trình bày:

Bố mẹ tôi sinh được 06 người con và tạo dựng được khối tài sản đúng như nội dung ông Nguyễn Văn TH trình bày; sau khi bố tôi chết vào năm 1995 các anh em con cháu vẫn tổ chức cúng giỗ hòa thuận không có tranh chấp gì, năm 2015 mẹ tôi chết sau đó ông Thơm đưa ra tờ di chúc của mẹ tôi có nội dung cho ông Thơm tất cả tài sản của bố mẹ thì lúc đó anh em mới phát sinh mâu thuẫn tranh giành tài sản, rồi sau đó ông Thơm nói nhà đất này đã là của ông Thơm nên ông Thơm khóa cổng, khóa cửa không cho anh em con cháu đến căn nhà của bố mẹ để thờ cúng, ông Thơm đã cất hết di ảnh của bố, mẹ và của ông Nguyễn Công Thảnh (là liệt sỹ) vào trong tủ, mọi người trong gia đình rất bất bình việc làm này của ông Thơm. Ngày 13/12/2020 trong một ngày giỗ, tôi đã tổ chức họp gia đình về việc phần tài sản của bố tôi để lại cho 05 anh em (theo pháp luật) phần tài sản này chỉ làm nơi cúng giỗ không chia, phần tài sản của mẹ tôi ông Thơm đã nhận, năm 2010 đã cho con trai ông Thơm là anh Xinh xây nhà, anh em trong gia đình không ai đòi hỏi phần tài sản này của ông Thơm, tại buổi họp gia đình ông Thơm cũng có mặt nhưng không ký

biên bản.

Ngày 16/3/2023 ông Nguyễn Văn M có đơn phản tố với nội dung: Năm 2015 mẹ tôi chết, các anh em không thống nhất được việc xử lý di sản của bố mẹ, lúc này ông Thơm đưa ra 01 bản di chúc của cụ Bùi Thị Chvà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số X017237, vào sổ số 629QSDĐ/HTTây do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 07/12/2003 diện tích 573m^2 mang tên hộ bà Bùi Thị Chủng. Do vậy ông Nguyễn Văn M yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X017237, do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 07/12/2003 mang tên Bùi Thị Chủng.

- Hủy toàn bộ bản di chúc của cụ Bùi Thị Chlập ngày 26/02/2013 công chứng số 137, quyển số 27/TPCC-SCC/HĐGD.

- Chia đều phần di sản của bố tôi cho 06 phần gồm: cụ Chủng, ông Muôi, ông Thơm, ông Thơi, bà Hoa và ông Lý. Do ông là con trưởng nên đề nghị được quản lý sử dụng phần đất có căn nhà cấp 4 ba gian để làm nơi thờ cúng, ông có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị cho những người thừa kế khác được hưởng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn M xin rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X017237, do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 07/12/2003 Bùi Thị Chủng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông Thơi trình bày:

Bố mẹ tôi khi còn sống có tạo dựng được khối tài sản là nhà, đất đúng như nội dung nguyên đơn đã trình bày; năm 1995 bố tôi chết, năm 2003 UBND huyện Đông Triều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bùi Thị Chủng, tại thời điểm cấp giấy thì hộ bà Chủng chỉ có một mình mẹ tôi nên mẹ tôi có toàn quyền sử dụng thửa đất này. Ngày 26/02/2013 mẹ tôi lập di chúc để lại toàn bộ tài sản nhà đất cho ông Nguyễn Văn TH, di chúc đã được công chứng tại Phòng Công chứng Quảng Ninh nên di chúc của mẹ tôi là hợp pháp, năm 2015 mẹ tôi chết, như vậy theo di chúc thì ông Nguyễn Văn TH được hưởng toàn bộ di sản thừa kế, do đó tôi đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn TH. Trường hợp di chúc không được công nhận toàn bộ thì phần thừa kế tài sản của tôi sẽ giao cho ông Thơm được quyền sở hữu sử dụng tôi không yêu cầu ông Thơm phải thanh toán tiền cho tôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải L và người đại diện theo ủy quyền của ông Lý trình bày:

Khi còn sống, bố mẹ tôi được HTX cấp cho thửa đất khoảng 900m^2 và xây dựng 01 căn nhà cấp 4 ba gian tại thôn Lâm xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, năm 1985 bố mẹ tôi đã cho tôi khoảng 300m^2, sau đó tôi không sử dụng nên đã bán cho người khác, năm 1995 bố tôi chết không có di chúc, năm 2003 mẹ tôi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, sau đó mẹ tôi làm di chúc cho ông Nguyễn Văn TH toàn bộ di sản. Năm 2015 mẹ tôi chết ông Thơm vẫn quản lý sử dụng toàn bộ di sản của bố mẹ tôi. Nay ông Thơm khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc, tôi không chấp nhận vì toàn bộ di sản là

của bố mẹ tôi để lại nên khi bố tôi chết, thì phần tài sản của bố tôi phải được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên di chúc của mẹ tôi là không hợp pháp, do vậy ông Thơm không được hưởng toàn bộ di sản. Vì vậy, tôi yêu cầu chia theo pháp luật, phần di sản của tôi được hưởng do ông Muôi là con trưởng cần sử dụng căn nhà của bố mẹ tôi làm nơi thờ cúng nên tôi đề nghị phần tài sản của tôi, tôi giao cho ông Muôi được sử dụng và ông Muôi có trách nhiệm thanh toán tiền cho tôi theo giá của hội dồng định giá tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ, chị Lê Thị L đều trình bày:

Mẹ của 04 anh, chị em chúng tôi là Nguyễn Thị Hoa là con gái của cụ Nguyễn Văn Mvà cụ Bùi Thị Chủng, năm 1995 cụ Móc chết nhưng chưa chia tài sản thừa kế của cụ Móc, năm 2012 mẹ chúng tôi chết cũng không có di chúc, năm 2015 cụ Chủng chết để lại toàn bộ tài sản cho ông Nguyễn Văn TH sử dụng. Nay ông Thơm khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế theo di chúc của cụ Bùi Thị Chchúng tôi không đồng ý vì trong khối tài sản đó có phần tài sản của chúng tôi được hưởng phần tài sản thừa kế của mẹ chúng tôi, nên chúng tôi đề nghị chia tài sản thừa kế theo pháp luật, phần tài sản của chúng tôi được hưởng chúng tôi giao cho ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng và ông Muôi có trách nhiệm thanh toán tiền cho chúng tôi theo giá của hội đồng định giá tài sản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn X trình bày:

Từ nhỏ tôi đã sống cùng với bà nội tôi là cụ Bùi Thị Chủng, năm 2010 do công trình phụ đã hư hỏng nên tôi đã xin phép bà nội và bố tôi để xây dựng công trình phụ là nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh và xây cổng, sân gạch, mái tôn, ngoài ra tôi không tạo dựng thêm tài sản nào khác. Nay bố tôi khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị Chủng, nếu bố tôi được sử dụng phần đất có tài sản trên của tôi đã tạo dựng thì tôi giao cho bố tôi được toàn quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên của tôi, tôi không yêu cầu bố tôi phải thanh toán tiền cho tôi, còn nếu người khác sử dụng phần đất có tài sản trên của tôi thì tôi yêu cầu phải thanh toán tiền tài sản tôi đã tạo dựng trên cho tôi là 150.000.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện ủy ban nhân dân xã Hông Thái Tây trình bày:

Thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chỉ thị số 18/1999/CT-TTg ngày 01/7/1999 của Chính phủ. Việc lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bùi Thị Chđược lập và xét duyệt căn cứ theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mục 3 và mục 4 chương 2 của Thông tư.

Hiện tại kho lưu trữ của xã Hồng Thái Tây chưa tìm thấy hồ sơ việc đăng ký đất đai đối với bà Bùi Thị Chủng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Mvà cụ Bùi Thị Chcó thửa đất tại thôn Lâm Xá 2, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều; nguồn gốc ở ổn định từ trước năm 1993, năm 2001 hộ cụ Chủng kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm kê khai hộ cụ Chủng đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính, UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều đã cấp giấy chứng nhận số X017237, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 629 ngày 07/12/2003 cho hộ bà Bùi Thị Chvới diện tích 573m^2 (trong đó đất ở 400m^2, đất vườn 173m^2)

Quan điểm của UBND thị xã Đông triều:

- Đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn TH yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Bùi Thị Chủng, đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện Phòng Công chứng tỉnh Quảng Ninh trình bày:

Hồ sơ lưu Di chúc số 137, quyển số 27/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2013, qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy việc công chứng Di chúc số 137, quyển số 27/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/02/2013 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Phòng Công chứng tỉnh Quảng Ninh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm:

Năm 1969 hợp tác xã cấp cho gia đình cụ Móc, cụ Chủng 900m2 đất, năm 1985 cụ Móc cụ Chủng cho ông Lý 300m^{2}q đất, năm 1995 cụ Móc chết không để lại di chúc, hộ gia đình tiếp tục sử dụng đất, năm 2003 UBND huyện Đông Triều cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Chủng, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ bà Chủng chỉ có một mình bà Chủng người đứng tên trong sổ hộ khẩu, như vậy theo quy định pháp luật, người có quyền sử dụng đất thuộc quyền toàn bộ của bà Chủng theo quy định tại Điều 3 Luật đất đai, như vậy, hộ gia đình cụ Chủng được công nhận quyền sử dụng đất, bà Chủng là người duy nhất có quyền sử dụng đất, điều này được khẳng định trong ý kiến của UBND thị xã Đông Triều và UBND xã Hồng Thái Tây, đây là đất được cấp cho hộ cụ Chủng theo chỉ thị số 18 ngày 01/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, căn cứ Giấy chứng quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Bùi Thị Chủng, nên cụ Chủng lập bản di chúc ngày 26/02/2013, trong nội dung di chúc để lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn TH.

Tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định những tình tiết sự kiện sau đây không phải chứng minh: tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật, như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp cho hộ cụ Chủng được cấp theo quyết định của UBND thị xã Đông Triều là quyết định có hiệu lực pháp luật không bị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ

thì đương nhiên có hiệu lực pháp luật, điều đó xác định đất được cấp cho hộ cụ Chủng có hiệu lực pháp luật nên bản di chúc cụ Chủng lập ngày 26/02/2013 là hoàn toàn có hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ gồm:

- Biên bản xác minh tại Công an xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều thì thời điểm cấp GCNQSDĐ ngày 07/12/2003, hộ cụ Chủng chỉ có 01 nhân khẩu là Bùi Thị Chủng.

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng diện tích đất sử dụng là 625,3m^2, nhiều hơn so với GCNQSDĐ cấp cho cụ Bùi Thị Chlà 52,3m^2; tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà mái ngói diện tích 58,3m^2; 01 nhà mái bằng diện tích 43,6m^2 và các công trình kiến trúc khác là mái tôn, sân bê tông, sân lát gạch đỏ, cổng, tường rào.

- Tại Công Văn số 600/UBND-TNMT ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều xác định phần diện tích đất 52.3m^2 nhiều hơn so với GCNQSDĐ là do quá trình đo đạc, tính toán tại thời điểm cấp GCNQSDĐ chưa chính xác, diện tích này nằm trong khuôn viên cả thửa đất của gia đình cụ Nguyễn Văn Móc, cụ Bùi Thị Chsử dụng trước năm 1993, không có tranh chấp, không lấn chiếm; được xác định là loại đất lâu năm.

- Biên bản định giá tài sản ngày 01/3/2023 xác định giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 485.154.000đồng.

- Biên bản xác minh tại UBND xã Hồng Thái Tây về bố mẹ đẻ của ông Lê Văn Hiệp (là chồng bà Nguyễn Thị Hoa) có nội dung: ông Lê Văn Hiệp (đã chết năm 2022) có bố mẹ đẻ là cụ Lê Văn Thức (đã chết năm 2011) và cụ Đào Thị Chị (đã chết năm 1989). Biên bản xác minh ông Nguyễn Công Thảnh là liệt sỹ hy sinh năm 1972, chưa có vợ, con

Với nội dung trên, tại Bản án số: 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH về chia thừa kế tài sản theo di chúc.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn M về chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X017237, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 629 ngày 07/12/2003 của Ủy ban nhân dân huyên Đông Triều, ông Nguyễn Văn M có quyền khởi kiện lại yêu cầu này.

Ông Nguyễn Văn TH được sở hữu, sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 397,4m^2, trong đó đất ở là 215,8m^2; đất vườn là 181,6m^2 (diện tích được giới hạn từ điểm 1,2,3,4,15,16,17,9,10,11,12,13,14,1 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 mái bằng cùng công trình kiến trúc

trên diện tích đất này, tại thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ông Nguyễn Văn M được sở hữu, sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 227,9m^2, trong đó đất ở là 184,2m^2; đất vườn là 43,7m^2 (diện tích được giới hạn từ điểm 4,5,6,7,8,9,17,16,15,4 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 ba gian cùng công trình kiến trúc trên diện tích đất này, tại thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm phải thanh toán gồm:

- Thanh toán cho ông Nguyễn Văn TH: 106.716.000đ *(Một trăm linh sáu triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng)*

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hải L: 21.817.000đ *(Hai mươi mốt triệu, tám trăm mười bảy nghìn đồng)*

- Thanh toán cho chị Lê Thị NH; chị Lê Thị N; anh Lê Công Đ; chị Lê Thị L, mỗi người 5.454.000đ *(Năm triệu bốn trăm lăm mươi bốn nghìn đồng)*

- Thanh toán cho anh Nguyễn Văn X: 15.364.000đ *(Mười năm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2023, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn TH kháng cáo với nội dung yêu cầu: hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 02/10/2023, bị đơn là ông Nguyễn Văn M kháng cáo với nội dung yêu cầu: sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tuyên hủy toàn bộ bản Di chúc ngày 26/02/2013 của cụ Bùi Thị Chvà chia lại toàn bộ di sản theo pháp luật.

Ngày 06/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐ-VKS-DS kháng nghị đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Về việc xác định di sản, phân chia di sản thừa kế, án phí và các nội dung khác. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa Bản án sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH, bị đơn ông Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nội dung vụ án như đã trình bày trong quá trình tố tụng, giải quyết vụ án và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm:

- Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: trên thực tế, bà Mắn vợ ông Thơm là người trồng các cây trên thửa đất này. Ngoài ra, năm 2012, căn nhà thờ cúng bị hư hỏng nặng, ông Thơm là người trực tiếp nhận tiền hỗ trợ một phần của nhà nước để sửa lại nhà thờ cúng, chi phí sửa chữa còn lại là do vợ chồng ông Thơm bỏ ra. Tuy nhiên Toà án cấp

sơ thẩm không làm rõ nội dung này và không đưa bà Mằn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Vợ chồng anh Xinh, chị Tươi cưới nhau năm 2011; vợ chồng anh Xinh về ở trên thửa đất của các cụ từ năm 2011 đến khoảng 2018. Trong biên bản thẩm định tại chỗ, ghi nhận anh Xinh xây dựng sân, cổng vào năm 2011, 2012. Do vậy đây là những tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân của anh Xinh và vợ. Ngoài ra, tại Quyết định giải quyết thuận tình ly hôn của anh Xinh và vợ năm 2022, không có nhận định, giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng anh Xinh. Toà án cấp sơ thẩm không đưa vợ anh Xinh vào làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là làm thiệt hại đến quyền lợi của chị Tươi vợ anh Xinh.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án vượt quá thẩm quyền: Trong yêu cầu phản tố, bị đơn ông Nguyễn Văn M có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi toà án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu này lại không chuyển hồ sơ vụ án lên toà án nhân dân cấp tỉnh mà lại tiếp tục giải quyết và đưa Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH và bị đơn ông Nguyễn Văn M; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH, bị đơn ông Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh làm trong thời hạn luật định và kháng cáo, kháng nghị trong phạm vi Bản án dân sự sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về tư cách tham gia tố tụng và việc vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản thông báo, triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nhưng vẫn có đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Mằn là vợ của ông Nguyễn Văn TH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan trong vụ án nhưng bà Mằn không có yêu cầu hay khiếu nại gì liên quan đến nội dung vụ án. Vì vậy, không có căn cứ xác định bà Mằn là người liên quan trong vụ án nên không chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa chị Nguyễn Thị T đã tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản thông báo, triệu tập chị Tươi đến Tòa án để lấy quan điểm và tham gia phiên tòa nhưng chị Tươi đều vắng mặt. Tại biên bản xác minh tại nơi chị Tươi đăng ký hộ khẩu thường trú xác định chị Tươi hiện nay không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định chị Tươi có góp phần công sức tôn tạo quản lý, di sản thừa kế của cụ Chủng và cụ Móc để lại hay không, nên trong vụ án này Tòa án không xem xét, giải quyết. Chị Tươi có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn M rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X017237, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 629 ngày 07/12/2003 cho hộ bà Bùi Thị Chủng. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Văn M. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH, bị đơn ông Nguyễn Văn M, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hải L và ông Nguyễn Văn T cùng thống nhất trình bày: Cụ Nguyễn Văn Mvà cụ Bùi Thị Chnăm 1968 được HTX Nông nghiệp cấp cho thửa đất có diện tích khoảng 900m^2 tại thôn Lâm Xá 2, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều. Năm 1969 cụ Móc, cụ Chủng xây dựng 01 căn nhà cấp 4 ba gian, năm 1985 cụ Móc, cụ Chủng đã cho con trai là ông Nguyễn Hải L một phần đất diện tích khoảng 300m^2, sau đó do không sử dụng ông Lý đã bán cho người khác. Năm 1995 cụ Móc chết không có di chúc, cụ Chủng vẫn tiếp tục sử dụng nhà, đất đến ngày 07/12/2003, UBND huyện (nay là thị xã) Đông Triều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X017237 với diện tích 573m^2 mang tên hộ bà Bùi Thị Chủng. Năm 2010 anh Nguyễn Văn X (là con trai ông Thơm) xây dựng thêm công trình phụ diện tích 36m^2 (gồm nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh) và công trình kiến trúc khác là sân bê tông, sân gạch, mái tôn, cổng trên thửa đất này.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất xác định: diện tích đất sử dụng là 625,3m^2, nhiều hơn so với GCNQSDĐ cấp cho hộ cụ Bùi Thị Chlà 52,3m^2; tài sản gắn liền với đất gồm: 01 nhà mái ngói diện tích 58,3m^2; 01 nhà mái bằng diện tích 43,6m^2 và các công trình kiến trúc khác là mái tôn, sân bê tông, sân lát gạch đỏ, cổng, tường rào.

Tại Công Văn số 600/UBND-TNMT ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều xác định phần diện tích đất 52,3m^2 nhiều hơn so với GCNQSDĐ là do quá trình đo đạc, tính toán tại thời điểm cấp GCNQSDĐ chưa chính xác, diện

tích này nằm trong khuôn viên cả thửa đất của gia đình cụ Nguyễn Văn Móc, cụ Bùi Thị Chsử dụng trước năm 1993, không có tranh chấp, không lấn chiếm; được xác định là loại đất lâu năm.

Như vậy, căn nhà căn nhà cấp 4 ba gian diện tích 58,3m^2 trên diện tích đất sử dụng 625,3m^2 trong đó có 400m^2 đất ONT và 225,3m^2 đất CLN tại thôn Lâm Xá 2, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều là tài sản chung của cụ Móc và cụ Chủng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đây cũng là di sản của cụ Móc và cụ Chủng (cụ Móc chết năm 1995, cụ Chủng chết năm 2015).

[2.2] Xét tính hợp pháp của di chúc.

- Về hình thức, trình tự lập di chúc: Di chúc của cụ Bùi Thị Chlập ngày 26/02/2013 công chứng số 137, quyển số 27/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng tỉnh QN với nội dung: *"... Tôi có tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn 2, xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 017237 do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 07/12/2003 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4. Nay tôi lập di chúc này để lại toàn bộ phần tài sản của tôi cho con trai tôi là Nguyễn Văn TH"*. Như vậy, di chúc của cụ Bùi Thị Chđược lập bằng văn bản, có người làm chứng là ông Mạc Văn Bím, sinh năm 1964; trú tại: xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và được công chứng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Bản di chúc thể hiện ý chí của cụ Chủng nhằm chuyển tài sản của cụ Chủng cho ông Nguyễn Văn TH nên về hình thức di chúc là đảm bảo đúng quy định của pháp luật theo các Điều 652, 653, 654 và khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Nội dung di chúc: tài sản gồm căn nhà căn nhà cấp 4 ba gian diện tích 58,3m^2 trên diện tích đất sử dụng 625,3m^2 trong đó có 400m^2 đất ONT và 225,3m^2 đất CLN là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Mvà cụ Bùi Thị Chtrong thời kỳ hôn nhân. Năm 1995 cụ Móc chết không để lại di chúc, nên người thừa kế tài sản của cụ Móc bao gồm những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất: vợ là cụ Chủng và các con của cụ Chủng. Nhưng khi cụ Chủng lập di chúc vào năm 2013 cho ông Thơm được hưởng toàn bộ tài sản trong khi chưa có sự thỏa thuận đồng ý của tất cả các con của cụ Chủng, do vậy di chúc chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ Chủng. Theo quy định tại Điều 631, 634 Luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân gia đình 2014, thì phần tài sản của cụ Móc là 1/2 trong khối tài sản chung của cụ Móc và cụ Chủng.

[2.3] Về người thừa kế theo pháp luật phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Móc.

Cụ Nguyễn Văn Mvà cụ Bùi Thị Chsinh được 06 người con là: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1945; ông Nguyễn Công Thảnh, sinh năm 1951 (hy sinh năm 1972), ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn TH, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1957 (chết năm 2012) có chồng là Lê Văn Hiệp (đã chết năm 2022) và 04 người con là Lê Thị NH, Lê Thị N, Lê Công Đ, Lê Thị L. Năm 1995 cụ Móc chết, không để lại di chúc.

Vì vậy theo quy định tại Điều 5 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 những người thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Nguyễn Văn Mgồm: Cụ Bùi Thị Chlà vợ, các con là ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hải L, ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Hoa (chết năm 2012). Do bà Hoa đã chết năm 2012 nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoa gồm có: cụ Bùi Thị Chlà mẹ đẻ, ông Lê Văn Hiệp là chồng và 04 người con của bà Hoa là chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ và chị Lê Thị L là những người được hưởng phần thừa kế theo pháp luật của bà Hoa đối với phần di sản của cụ Móc.

Ông Lê Văn Hiệp chết năm 2022 có bố mẹ đẻ là cụ Lê Văn Thức (đã chết năm 2011) và cụ Đào Thị Chị (đã chết năm 1989). Do đó, phần di sản ông Lê Văn Hiệp được hưởng từ phần thừa kế theo pháp luật của bà Hoa đối với phần di sản của cụ Móc được chia đều cho 4 người con chung của ông Hiệp và bà Hoa gồm: chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ và chị Lê Thị L.

[***3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH, bị đơn ông Nguyễn Văn M.***

[3.1] Ông Nguyễn Văn TH kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá đầy đủ chứng cứ gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và giải quyết vượt quá thẩm quyền. Ông Thơm không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của mình.

Xét thấy, Di chúc của cụ Bùi Thị Chlập ngày 26/02/2013 công chứng số 137, quyển số 27/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng tỉnh QN có hiệu lực một phần đối với (1/2 tài sản) trong di sản của cụ Chủng và cụ Móc để lại. Nội dung bản di chúc thể hiện nguyện vọng của cụ Chủng được để lại để lại toàn bộ phần tài sản của mình cho con là ông Nguyễn Văn TH. Do đó, ông Thơm được hưởng phần di sản do cụ Chủng để lại gồm: theo phần di chúc có hiệu lực, phần di sản của Chủng được hưởng theo pháp luật từ phần di sản của cụ Móc để lại và một phần di sản của bà bà Hoa (là con gái chết năm 2012) được hưởng trong di sản thừa kế của cụ Móc để lại được chia cho các hàng thừa kế. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn TH.

[3.2] Ông Nguyễn Văn M yêu cầu sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Ông Muôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh tuyên hủy toàn bộ bản Di chúc ngày 26/02/2013 của cụ Bùi Thị Chđã lập. Vì di chúc cụ Chủng lập vi phạm khoản 1 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về di chúc hợp pháp bởi các lý do:

- Năm 2013, bà Chủng là mẹ ông đã 92 tuổi, không biết đọc, không biết viết (không biết chữ), không còn khỏe mạnh, minh mẫn, đã lẩm cẩm, một việc đại sự cho nhà, cho đất, cho tất cả tài sản của cụ Chủng và cụ Móc cho nhà ông Thơm mà không hề bàn bạc với các con. Mẹ ông là cụ Bùi Thị Chđã mang bệnh nặng, sau khi làm di chúc tháng 10/2013 cụ Chủng bị đột quỵ và năm 2015 qua đời.

- Ông Muôi nghi cụ Chủng bị ép buộc ký di chúc vì vợ chồng ông Thơm, bà Mằn luôn cho rằng: "đất này là của em, nhà này là của em, nếu mất ngôi nhà này, thằng Thơm nó bực lên, nó cho quả mìn chết hết cả nhà". Việc đe dọa giết người của ông Thơm, ông Muôi đã có văn bản gửi Công an thị xã Đông Triều nhờ giúp đỡ.

Tại đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 14/11/2023 được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 17/01/2024 ông Nguyễn Văn M bổ sung quan điểm Bản di chúc cụ Chủng lập ngày 26/02/2013 đã vi phạm Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2015 là bản di chúc không hợp pháp và vô hiệu do Bản di chúc của cụ Chủng chỉ có một người làm chứng là ông Mạc Văn Bím, tại thời điểm làm chứng ông Bím là bạn thân của ông Nguyễn Văn TH. Ngoài ra người làm chứng không ký xác nhận điểm chỉ là cụ Bùi Thị Chủng, ai điểm chỉ vào đó cũng được. Vì vậy, ông Muôi cho rằng điểm chỉ đó không phải của mẹ ông. Ông không công nhận điểm chỉ trong di chúc là của cụ Bùi Thị Chủng.

Nội dung di chúc trái đạo đức xã hội: Cụ thể ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 573m^2, từ năm 1995 là nơi cúng giỗ ông, bà, tổ tiên, cúng giỗ liệt sỹ Nguyễn Công Thảnh chưa có vợ con. Ngôi nhà này là nơi sum họp anh, em, con, cháu vào những ngày giỗ, tết… Không còn ngôi nhà này các con, cháu không biết thờ cúng ông bà và quê hương ở đâu.

Hội đồng xét xử xét thấy, Di chúc của cụ Bùi Thị Chlập ngày 26/02/2013, thực hiện theo đúng Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về Người làm chứng cho việc lập di chúc: *"Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây: 1. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc; 2. Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc; 3. Người chưa đủ mười tám tuổi, người không có năng lực hành vi dân sự."* và khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: *"Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng*".

Việc ông Mạc Văn Bím dù là bạn thân của ông Nguyễn Văn TH vẫn có thể làm chứng cho việc lập di chúc của cụ Bùi Thị Chủng. Bản di chúc của cụ Chủng đã được công chứng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Không có căn cứ để xác định Di chúc của cụ Chủng là vi phạm Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuy nhiên, về hiệu lực của di chúc phần tài sản của cụ Móc được chia theo pháp luật cho các hàng thừa kế của cụ Móc. Do đó, ông Muôi được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Móc được chia theo pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Văn M.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh.

[4.1] Về việc xác định phần di sản và chia di sản thừa kế theo di chúc:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều xác định diện tích đất tăng 52,3m^2 đất trồng cây lâu năm so với giấy chứng nhận quyền sủ dụng đất cấp ngày 07/12/2003 mang tên hộ bà Bùi Thị Chlà sai số do đo đạc, nguồn gốc của cụ Móc và cụ Chủng sử dụng ổn định trước năm 1993, do đó đây là tài sản của cụ Móc và cụ Chủng theo Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Tại bản di chúc ngày 26/02/2013 cụ Chủng có nguyện vọng để lại toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất bà ngôi nhà cấp 4 cho ông Nguyễn Văn TH, như vậy diện tích 52,3m^2 đất trên cũng thuộc di sản được cụ Chủng định đoạt trong di chúc. Bản án xác định diện tích 52,3m^2 đất không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được định đoạt trong di chúc là không đúng quy định tại Điều 612, 624 Bộ luật Dân sự. Bản án sơ thẩm nhận định, phần tài sản không định đoạt trong di chúc là 52,3m^2 được chia thừa kế theo pháp luật là không đúng theo quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

Thứ hai, Bản án sơ thẩm chấp nhận chia di sản thừa kế theo di chúc đối với phần tài sản của cụ Chủng bao gồm phần tài sản của cụ Chủng trong khối tài sản chung với cụ Móc và phần di sản cụ Chủng được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản được hưởng thừa kế theo pháp luật từ cụ Móc là chưa đầy đủ. Bởi lẽ cụ Chủng còn được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản được hưởng từ bà Hoa và phần này phải được chia theo di chúc của cụ Chủng. Do đó, nội dung kháng nghị này là có căn cứ chấp nhận.

Thứ ba, khi giải quyết vụ án Tòa án cũng xác định phần ông Thơm được hưởng thừa kế theo di chúc và theo pháp luật là hơn 3/4 giá trị ngôi nhà, hơn nữa theo nội dung phần di chúc của cụ Chủng có hiệu lực được Tòa án công nhận, cụ Chủng có nguyện vọng cho ông Thơm được hưởng quyền sử dụng đất và sở hữu ngôi nhà cấp 4. Tuy nhiên Tòa án lại giao ngôi nhà trên cho ông Muôi là không phù hợp với ý chí của người để lại di chúc, quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự.

Xét thấy, mặc dù ông Thơm được nhận phần di sản thừa kế gồm cả phần được hưởng theo di chúc và theo pháp luật là hơn 3/4 giá trị ngôi nhà cấp 4, ba gian do cụ Muôi và cụ Chủng xây dựng từ năm 1969. Nhưng, trên thực tế hiện nay vợ, chồng gia đình ông Thơm không sinh sống trên thửa đất này mà đã giao cho anh Nguyễn Văn X là con ông Thơm quản lý, sử dụng toàn bộ phần di sản của cụ Móc và cụ Chủng để lại bao gồm cả căn nhà cấp 4, ba gian và đất. Mặt khác ông Nguyễn Hải L và các con của bà Hoa (đã chết năm 2012) đều có nguyện vọng Tòa án giao cho ông Muôi là con trưởng được quản lý, sử dụng di sản ngôi nhà cấp 4, ba gian do cụ Chủng và cụ Móc xây dựng từ năm 1969 là nơi thờ cúng, cúng giỗ ông, bà, tổ tiên, cúng giỗ liệt sỹ Nguyễn Công Thảnh chưa có vợ con… là nơi xum họp các thế hệ của gia đình những ngày giỗ và lễ tết. Ông Muôi là con trưởng có nguyện vọng được gánh vác trách nhiệm thờ cúng tổ tiên và gìn giữ ngôi nhà cấp 4 ba gian cụ Chủng, cụ Móc để lại để làm nơi thờ cúng, không phân chia. Xét nguyện vọng của đa số các thành viên trong hàng thừa kế của cụ Chủng và cụ Móc còn sống thì việc Tòa án cấp sơ thẩm giao căn nhà cấp 4 ba gian là di sản thừa kế của cụ Chủng, cụ

Móc để lại giao chô ông Muôi là con trưởng được quản lý, sử dụng là phù hợp với nhu cầu thực tế của người sử dụng và phù hợp với thuần phong, mỹ tục của người Việt Nam. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát.

[4.2]. Về việc xác định phần di sản và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Do việc xác định phần di sản chia thừa kế theo di chúc chưa đúng dẫn đến việc xác định, phần di sản chia theo pháp luật và tính án phí tại Bản án sơ thẩm cũng không chính xác. Do đó, có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát.

Bản án sơ thẩm, tuyên các đương sự được sở hữu, sử dụng tài sản nhà đất nhưng không tuyên các đương sự này có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đầy đủ toàn diện. Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2013, xét thấy nội dung kháng nghị này là không đúng, nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nội dung đánh giá, phân tích như trên, căn cứ theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/02/2023 và Biên bản định giá tài sản lập ngày 01/3/2023. Hội đồng xét xử phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

[5.1] Phân chia di sản theo di chúc:

Di chúc của cụ Bùi Thị Ch có hiệu lực đối với phần tài sản của cụ Chủng nên ông Nguyễn Văn TH được thừa kế 1/2 tài sản trong khối di sản thừa kế chung của cụ Chủng, cụ Móc là 312,65 m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở và 112,65m^2 đất TCLN) và 1/2 căn nhà cấp 4 ba gian có giá trị tài sản là: 200m^2 đất ở x 450.000 đồng/m^2 x 1,1 = 99.000.000 đồng; 112,65m^2 đất TCLN x 52.000 đồng/m^2 x 1,1 = 6.443.580 đồng; Giá trị 1/2 căn nhà cấp 4 ba gian là: 33.481.041 đồng. Tổng trị giá: 138.924.621 đồng.

[5.2] Phân chia di sản theo pháp luật:

- Đối với phần di sản không có hiệu lực trong di chúc của cụ Bùi Thị Chlà 312,65 m^2 (trong đó: 200m^2 đất ở và 112,65m^2 đất TCLN) và 1/2 căn nhà cấp 4 ba gian được chia theo pháp luật.

Năm 1995 cụ Móc chết không để lại di chúc do đó phần di sản này được chia đều thành 6 phần bằng nhau cho những người thừa kế theo pháp luật gồm: Cụ Bùi Thị Chlà vợ, các con là ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hải L, ông Nguyễn Văn TH và bà Nguyễn Thị Hoa mỗi người được hưởng phần di sản là 52,108m^2 đất (trong đó: 33,333m^2 đất ở và 18,775m^2 đất TCLN) và 1/12 căn nhà cấp 4 ba gian có giá trị tài sản là: 333,33m^2 đất ở x 450.000 đồng/m^2 x 1,1 = 16.500.000 đồng; 18,775m^2 đất TCLN x 52.000 đồng/m^2 x 1,1 = 1.073.930 đồng; giá trị 1/12 căn nhà cấp 4 ba gian là: 5.580.173,5 đồng. Tổng trị giá: 23.154.103,5 đồng.

+ Bà Hoa đã chết năm 2012, do đó phần di sản của bà Hoa được chia đều thành 6 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoa gồm có: cụ Bùi Thị Chlà mẹ đẻ, ông Lê Văn Hiệp là chồng và 04 người con của bà

Hoa là chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ và chị Lê Thị L mỗi người được hưởng phần di sản là: 23.154.103,5 đồng/6 = 3.859.027 đồng.

+ Phần di sản ông Lê Văn Hiệp được hưởng từ phần thừa kế theo pháp luật của bà Hoa được chia đều cho 4 người con chung của ông Hiệp và bà Hoa gồm: chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ và chị Lê Thị L mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau là: 3.859.027 đồng/4 = 964.750 đồng.

[5.3] Phân chia di sản:

- Ông Nguyễn Văn TH được hưởng phần di sản bao gồm: (1) Phần di sản do cụ Chủng để lại theo phần di chúc có hiệu lực; (2) Phần di sản ông Thơm được chia theo pháp luật; (3) Phần di sản của cụ Chủng được hưởng theo pháp luật từ phần di sản của cụ Móc để lại; (4) Phần di sản cụ Chủng được hưởng theo pháp luật từ phần di sản của bà bà Hoa; (5) Phần di sản chia theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T tự nguyện cho ông Thơm.

Như vậy, di sản ông Nguyễn Văn TH được chia là: 477,66m^2 đất trong đó: 305,556m^2 đất ở và 172,104m^2 đất TCLN và hơn 3/4 giá trị ngôi nhà cấp 4, ba gian có giá trị là: 212.246.158,3 đồng.

Ông Nguyễn Văn TH không phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T giá trị di sản phần của ông Nguyễn Văn T được hưởng.

- Ông Nguyễn Văn M được hưởng phần di sản bao gồm: (1) Phần di sản ông Muôi được chia theo pháp luật; (2) Phần di sản của ông Nguyễn Hải L và các con bà Hoa là chị Nhung, chị Nhinh, anh Đạo và chị Luật được chia theo pháp luật giao chô ông Nguyễn Văn M quản lý sử dụng và ông Muôi có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản ông Nguyễn Hải L và các con bà Hoa là chị Nhung, chị Nhinh, anh Đạo và chị Luật được nhận.

Như vậy, di sản ông Nguyễn Văn M được chia là: 147,64m^2 đất trong đó: 94,444m^2 đất ở và 53,196m^2 đất TCLN và gần 1/4 giá trị căn nhà cấp 4 ba gian có giá trị là: 65.603.082 đồng.

Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản cho ông Nguyền Hải Lý là: 52,108m^2 đất (trong đó: 33,333m^2 đất ở và 18,775m^2 đất TCLN) và 1/12 căn nhà cấp 4 ba gian có giá trị tài sản là: 23.154.103,5 đồng.

Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản cho chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ, chị Lê Thị L mỗi người là: 6,943 m^2 đất ở và 3,911m^2 đất TCLN và giá trị căn nhà cấp 4, ba gian được hưởng có tổng giá trị tài sản là: 4.823.783 đồng.

[5.4] Về thanh toán tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất:

- Về tài sản gắn liền với diện tích đất ông Nguyễn Văn TH được sử dụng gồm có căn nhà cấp 4 mái bằng, mái tôn, sân bê tông, cổng và một số công trình kiến trúc khác là của anh Nguyễn Văn X (con trai ông Thơm) tạo dựng; tường rào là do ông Thơm xây (theo quan điểm của anh Xinh, trường hợp ông Thơm được sử dụng đất có tài sản của anh Xinh thì anh Xinh giao cho ông Thơm được toàn quyền sở hữu tài

sản trên của anh Xinh). Do đó, ông Nguyễn Văn TH được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất ông Thơm được sử dụng, ông Thơm không phải thanh toán cho anh Xinh giá trị tài sản của anh Xinh.

- Về tài sản gắn liền với diện tích đất ông Nguyễn Văn M được sử dụng gồm: 01 căn nhà cấp 4 ba gian; 01 sân gạch 77,6m^2 của anh Xinh làm; 01 tường rào của ông Thơm xây, phía Nam giáp đường dài 4,50m, phía Đông giáp hộ ông Hồng dài 24,6m, phía Bắc giáp hộ ông Phong dài 9,67m.

Như vậy, ông Nguyễn Văn M phải thanh toán giá trị tài sản cụ thể như sau:

- Thanh toán cho ông Nguyễn Văn TH: 43.886.049 tiền đất + 51.151.589,5 đồng tiền nhà + 16.379.000 đồng tiền tường rào = 111.416.638, 5 đồng (làm tròn số 111.416.600 đồng).

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hải L: 52,108m^2 đất (trong đó: 33,333m^2 đất ở và 18,775m^2 đất TCLN) và 1/12 căn nhà cấp 4 ba gian có giá trị tài sản là: 23.154.103,5 đồng (làm tròn số 23.154.100 đồng)

- Thanh toán giá trị tài sản cho chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ, chị Lê Thị L mỗi người là: 6,943 m^2 đất ở và 3,911m^2 đất TCLN và giá trị căn nhà cấp 4, ba gian được hưởng có tổng giá trị tài sản là: 4.823.783 đồng (làm tròn số 4.823.800 đồng).

- Thanh Toán cho anh Nguyễn Văn X: 15.364.000đồng.

***[6] Về chi phí tố tụng*:** Tòa án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn nên cả nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2 số tiền chi phí tố tụng gồm: tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 10.500.000 đồng; tiền định giá tài sản là 4.200.000đồng. Số tiền chi phí tố tụng nguyên đơn là ông Nguyễn Văn TH đã nộp tạm ứng nên bị đơn là ông Nguyễn Văn M phải có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền là 7.350.000đồng.

***[7] Về án phí*:**

Yêu cầu kháng cáo của của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH và bị đơn ông Nguyễn Văn M được Tòa án chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật;

Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị phần di sản được hưởng, cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn TH phải chịu án phí đối với di sản được hưởng là 212.246.158 đồng x 5% = 10.612.307đồng (làm tròn số 10.612.300 đồng)
- Chị Lê Thị NH phải chịu án phí là 300.000đồng
- Chị Lê Thị N phải chịu án phí là 300.000đồng
- Chị Lê Công Đ phải chịu án phí là 300.000đồng
- Chị Lê Thị L phải chịu án phí là 300.000đồng
- Ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hải L là những người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, theo

quy định tại Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH, bị đơn ông Nguyễn Văn M. Chấp nhận một phần kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐ-VKS-DS ngày 06/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sửa Bản án sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ: các Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; *Điều 33, 66 luật hôn nhân 2014;* Điều 4, 5, 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 609, 612, 614, 624, 643, 649, 650, 651, 652, 659, 660, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn TH về chia thừa kế tài sản theo di chúc. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Văn M về chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

2. Ông Nguyễn Văn TH được sở hữu, sử dụng tài sản, là quyền sử dụng đất diện tích 397,4m^2 (trong đó đất ở là 215,8m^2; đất trồng cây lâu năm là 181,6m^2; diện tích được giới hạn từ điểm 1,2,3,4,15,16,17,9,10,11,12,13,14,1 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 mái bằng cùng công trình kiến trúc trên diện tích đất này, tại thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh *(Có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).*

Ông Nguyễn Văn M được sở hữu, sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 227,9m^2 (trong đó đất ở là 184,2m^2; đất vườn là 43,7m^2; diện tích được giới hạn từ điểm 4,5,6,7,8,9,17,16,15,4 trên sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 ba gian cùng công trình kiến trúc trên diện tích đất này, tại thôn Lâm Xá 2, xã HTT, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh *(Có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).*

3. Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn TH số tiền là 111.416.600 đồng *(Một trăm mười một triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng)*; có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hải L số tiền là 23.154.100 đồng *(Hai mươi*

ba triệu một trăm năm mươi bốn nghìn một trăm đồng); có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị NH, chị Lê Thị N, anh Lê Công Đ, chị Lê Thị L mỗi người số tiền là 4.823.800 đồng *(Bốn triệu tám trăm hai mươi ba nghìn tám trăm đồng)*; có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn X số tiền là 15.364.000đồng. *(Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)*.

4. *Về chi phí tố tụng:* Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn TH số tiền là 7.350.000đ *(Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).*

5. *Về án phí:*

- Ông Nguyễn Văn TH có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.612.300đ *(Mười triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm đồng).*

Ông Nguyễn Văn TH đã nộp 600.000đ *(sáu trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự theo 02 Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0009731 ngày 14 tháng 10 năm 2022 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003269 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, nên được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn TH phải nộp là 10.612.300đ *(Mười triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm đồng)*. Ông Nguyễn Văn TH còn có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sự sơ thẩm là 10.012.300đ *(Mười triệu không trăm mười hai nghìn ba trăm đồng)*.

- Chị Lê Thị NH; chị Lê Thị N; anh Lê Công Đ; chị Lê Thị L mỗi người có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

- Ông Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T và Nguyễn Hải L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Hông Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc quản lý Nhà nước đối với diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số X017237, do UBND huyện Đông Triều cấp ngày 07/12/2003 mang tên hộ bà Bùi Thị Chtại thôn 2, xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đông Triều;
- CCTHADS thị xã Đông Triều;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phúc Lâm